

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/LĐ-PT

Ngày 23-9-2019

V/v tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động và bồi thường
trợ cấp thất nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 06/2019/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường trợ cấp thất nghiệp.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3079/2019/QĐ-PT ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Hồng H; nơi cư trú: Số 22 đường H, phường M, quận H, thành phố H; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc B - Luật sư Công ty Luật TNHH Bảo Anh, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ trụ sở: Số 2D ngõ 38/23/15 đường X, phường X, quận T, thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2018); vắng mặt.

- *Bị đơn*: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S (Sau đây gọi tắt là Công ty Bảo hiểm); địa chỉ trụ sở: Tầng 5 tòa nhà H Center, số 25 đường L, phường P, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Khánh T; chức vụ: Trưởng phòng Ban Pháp chế và xử lý Công nợ - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S, (Văn bản ủy quyền số: 1373A/2019/UQ-BSH-BPC ngày 20/5/2019 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S); có mặt.

- *Người kháng cáo*:

Bà Phan Hồng H, là nguyên đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Bà Phan Hồng H làm việc tại Công ty Bảo hiểm BSH Hải Phòng - Chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S (tên cũ là Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB- VINACOMIN) (sau đây gọi tắt là Công ty Bảo hiểm) theo các hợp đồng lao động (viết tắt HĐLĐ) sau:

- HĐLĐ số 01/HĐLĐ-Cty ngày 10/4/2009, thời hạn 2,5 tháng đến ngày 30/6/2009.

- HĐLĐ số 13HP/2009/HĐ-SVIC-TCTH ngày 11/8/2009, hợp đồng không xác định thời hạn, chức danh chuyên môn: Cán bộ quản lý và được bổ nhiệm Giám đốc Công ty Bảo hiểm SHB VINACOMIN Hải Phòng.

Ngày 10/01/2018, Công ty Bảo hiểm có Quyết định số 60/2018/QĐ-BSH-TCHC về việc cho bà Phan Hồng H thôi đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Hải Phòng kể từ ngày 10/01/2018.

Thực hiện Quyết định nêu trên, bà Phan Hồng H đã bàn giao xong trách nhiệm quản lý của mình tại biên bản bàn giao ký ngày 13/02/2018. Ngày 31/3/2018, bà Phan Hồng H có đơn xin nghỉ việc, lý do: Bản thân và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động. Bà Phan Hồng H đã có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 37 của Bộ luật Lao động gửi Công ty Bảo hiểm. Trong thời gian chờ quyết định cho nghỉ việc, bà Phan Hồng H vẫn đi làm đến hết thời hạn báo trước là 45 ngày theo như trong đơn là hết ngày 25/5/2018.

Ngày 16/7/2018, Công ty bảo hiểm có Công văn số 1333/2018/CV-BSH-TCHC chấp thuận chủ trương đơn xin nghỉ việc của bà Phan Hồng H nhưng chưa

giải quyết các chế độ cho người lao động như chốt sổ bảo hiểm xã hội (viết tắt BHXH) đến thời điểm chấm dứt HĐLĐ và trả lại toàn bộ hồ sơ lý lịch.

Quá trình đóng bảo hiểm của bà Phan Hồng H thể hiện trong sổ Bảo hiểm xã hội như sau:

Từ tháng 4/2000 đến tháng 7/2005: Làm việc tại Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Hải Phòng.

Từ tháng 8/2005 đến tháng 4/2009: Làm việc tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông.

Từ tháng 4/2009 đến tháng 5/2018: Làm việc tại Công ty Bảo hiểm BSH Hải Phòng - Chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S có các hợp đồng lao động như trên.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 36, Điều 37, khoản 2 Điều 47, Điều 201, Điều 202 của Bộ luật Lao động; Điều 32, khoản 1 điểm c Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà Phan Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Công ty Bảo hiểm phải chấp nhận đơn yêu cầu nghỉ việc (đơn phương chấm dứt HĐLĐ) theo quy định của pháp luật.

- Buộc Công ty Bảo hiểm phải trả lại sổ BHXH và chốt thanh toán BHXH tại thời điểm chấm dứt HĐLĐ là ngày 25/5/2018. Đồng thời phải trả lại toàn bộ hồ sơ lý lịch cán bộ CNV do Công ty Bảo hiểm đang lưu giữ.

- Yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do không nhận được khoản trợ cấp thất nghiệp (TCTN) theo quy định (Căn cứ khoản 1 Điều 46 Luật Việc làm năm 2013; khoản 1 Điều 17 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP). Số tiền TCTN cụ thể là: $6.877.000 \text{ đồng} \times 60\% \times 8 \text{ tháng} = 33.009.600 \text{ đồng}$.

Bị đơn Công ty Bảo hiểm trình bày: Xác nhận bà Phan Hồng H làm việc tại Công ty Bảo hiểm theo các hợp đồng lao động và chức danh chuyên môn như bà Hạnh trình bày là đúng.

Ngày 10/01/2018, Công ty Bảo hiểm có Quyết định số 58/2018/QĐ-BSH-TCHC về việc không tái bổ nhiệm và Quyết định số 60/2018/QĐ-BSH-TCHC về việc chấm dứt hiệu lực của Quyết định số 851/2017/QĐ-BSH-HĐQT ngày 16/5/2017 chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm BSH Hải Phòng kể từ ngày 10/01/2018.

Ngày 13/02/2018, bà Phan Hồng H đã ký biên bản bàn giao công việc. Tại biên bản bàn giao, các bên thống nhất số liệu công nợ, chênh lệch nguồn chi phí và bà Phan Hồng H có trách nhiệm giải quyết các tồn đọng như đã xác nhận.

Ngày 31/3/2018, Công ty Bảo hiểm nhận được đơn xin đơn phương chấm dứt HĐLĐ của bà Phan Hồng H. Ngày 25/5/2018, bà Phan Hồng H chính thức

nghỉ việc. Sau khi nhận được đơn xin nghỉ việc của bà Phan Hồng H, Công ty Bảo hiểm đã nhiều lần mời bà Phan Hồng H đến làm việc để giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng đối với Công ty Bảo hiểm. Tuy nhiên bà Phan Hồng H không lên làm việc và không có thái độ hợp tác giải quyết dứt điểm những tồn đọng theo như biên bản bàn giao ngày 13/02/2018. Bà Phan Hồng H đã tự ý đơn phương chấm dứt HĐLĐ theo thời hạn báo trước 45 ngày kể từ ngày 31/3/2018 đến ngày 25/5/2018. Công ty Bảo hiểm nghiêm túc thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không ngăn cản việc bà Phan Hồng H thực hiện quyền lợi của mình. Công ty Bảo hiểm không có quyền chấp thuận cho bà Phan Hồng H nghỉ việc khi bà Phan Hồng H đã tự ý nghỉ việc. Thực tế, bà Phan Hồng H đã nghỉ việc kể từ ngày 25/5/2018. Sau khi bà Phan Hồng H nghỉ việc, bà Phan Hồng H phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền nợ đọng liên quan đến lợi ích của Công ty như nội dung biên bản bàn giao ngày 13/02/2018. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ của mình, Công ty Bảo hiểm sẽ trả lại sổ BHXH theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường do không nhận được tiền TCTN, Công ty sẽ có ý kiến gửi Tòa án sau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu đối với bị đơn về khoản bồi thường TCTN theo công văn số 468/2017/CV-BSH-TCHC ngày 10/3/2017 về việc điều chỉnh mức lương BHXH mới là $7.635.100 \text{ đồng} \times 60\% \times 8 \text{ tháng} = 36.648.480 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn đề nghị bị đơn xác nhận nghĩa vụ nợ lương theo thông báo số 499/2018/TB-BSH-TCHC quyết toán lương hỗ trợ năm 2017 số tiền là 18.000.000 đồng và tiền bổ sung lương tháng 1/2018 là 3.652.074 đồng. Đây là yêu cầu ngoài phạm vi khởi kiện ban đầu, nguyên đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử đưa nội dung này vào phần quyết định của bản án mà để nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản tự khai và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường tiền TCTN số tiền là 36.648.480 đồng.

II. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H đã căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 9 Điều 36, Điều 37, các khoản 2, 3 Điều 47, khoản 1 Điều 201, Điều 202 của Bộ luật Lao động; khoản 1 Điều 46, Điều 49, Điều 50 Luật Việc làm năm 2013; Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Hồng H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S:

- Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải chấm dứt hợp đồng lao động cho bà Phan Hồng H theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Bộ luật Lao động.

- Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải trả lại sổ Bảo hiểm xã hội và chốt thanh toán Bảo hiểm xã hội tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 25/5/2018, trả lại toàn bộ hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S đang lưu giữ của bà Phan Hồng H.

- Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải bồi thường trợ cấp thất nghiệp cho bà Phan Hồng H với số tiền là: 33.009.600 đồng (ba mươi ba triệu, không trăm linh chín nghìn, sáu trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

III. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/7/2019 nguyên đơn là bà Phan Hồng H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N về phần tính mức lương được bồi thường thiệt hại trợ cấp thất nghiệp. Bà Phan Hồng H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn lấy mức lương của 6 tháng liền kề thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn là 7.635.100 đồng để tính trợ cấp thất nghiệp làm cơ sở để bồi thường. Số tiền TCTN phải là $7.635.100 \text{ đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 60\% = 36.648.480 \text{ đồng}$. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn phải bồi thường số tiền TCTN còn lại mà bản án sơ thẩm chưa chấp nhận là: $36.648.480 \text{ đồng} - 33.009.600 \text{ đồng} = 3.638.880 \text{ đồng}$.

Ngày 10/7/2019, Tổng Công ty Bảo hiểm có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

IV. Tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn xác nhận: Công ty Bảo hiểm đã trả sổ BHXH cho bà Phan Hồng H. Trong sổ BHXH đã thể hiện rõ thời gian công tác, thời gian tham gia đóng BHXH, số tháng mà nguyên đơn được tính đóng bảo hiểm thất nghiệp là 09 tháng (từ 01/01/2009 đến 25/5/2018), mức lương của 6 tháng liền kề thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn để tính trợ cấp thất nghiệp làm cơ sở để bồi thường là 7.635.100 đồng/ tháng. Trước khi xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lại sổ Bảo hiểm xã hội và chốt thanh toán Bảo hiểm xã hội tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 25/5/2018, trả lại toàn bộ hồ sơ lý

lich cán bộ công nhân viên của bà Phan Hồng H do Công ty Cổ phần Bảo hiểm đang lưu giữ. Đại diện bị đơn chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cũng rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận và đề nghị HĐXX công nhận những nội dung sau:

- Hai bên đã giao nhận xong sổ bảo hiểm xã hội và toàn bộ hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên của bà Phan Hồng H.

- Bà Phan Hồng H được chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 25/5/2018.

- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S phải trả cho bà Phan Hồng H số tiền trợ cấp thất nghiệp là: $7.635.100 \text{ đồng/tháng} \times 9 \text{ tháng} \times 60\% = 41.229.510 \text{ đồng}$.

- Về án phí: Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S và bà Phan Hồng H mỗi bên chịu 50% án phí lao động sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 298, 299, 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc rút toàn bộ kháng cáo của bị đơn; sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án; việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa;

- Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động được quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S; có chi nhánh tại thành phố H: Công ty Bảo hiểm BSH Hải Phòng; địa chỉ

trụ sở: Tầng 8 tòa nhà BIDV Đông Hải Phòng, số 12 lô 30A đường L, phường Đ, quận N, thành phố H. Vì vậy Tòa án nhân dân quận N, thành phố H có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

[2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/7/2019 bà Phan Hồng H đã có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N như nội dung đã nêu ở trên. Ngày 10/7/2019, Tổng Công ty Bảo hiểm có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Như vậy về thời hạn, nội dung và phạm vi kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lại sổ Bảo hiểm xã hội và chốt thanh toán Bảo hiểm xã hội tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 25/5/2018, trả lại toàn bộ hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S đang lưu giữ của bà Phan Hồng H. Đại diện bị đơn chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn đồng thời bị đơn cũng rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân quận N.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được bị đơn chấp nhận cũng như việc rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ các Điều 298, 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án; chấp nhận việc rút kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn, đại diện bị đơn thống nhất thỏa thuận và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận những nội dung sau:

- Hai bên đã giao nhận xong Sổ bảo hiểm xã hội và toàn bộ hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên.

- Bà Phan Hồng H được chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 25/5/2018.

- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S phải trả cho bà Phan Hồng H số tiền trợ cấp thất nghiệp là: $7.635.100 \text{ đồng/tháng} \times 9 \text{ tháng} \times 60\% = 41.229.510 \text{ đồng}$.

- Về án phí: Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S và bà Phan Hồng H mỗi bên chịu 50% án phí lao động sơ thẩm.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với quy định

của pháp luật không trái đạo đức nên có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Án phí sơ thẩm: Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tuyên án phí cụ thể: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.236.000 đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Do nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận mỗi bên chịu 50% án phí lao động sơ thẩm nên Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải chịu 618.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Bà Hạnh được miễn án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Án phí phúc thẩm: Do bản án lao động sơ thẩm bị hủy một phần nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 147, 148, 288, 289, 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, khoản 9 Điều 36, Điều 37; các khoản 2, 3 Điều 47, khoản 1 Điều 201, Điều 202 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Khoản 1 Điều 46, các Điều 49, 50 Luật Việc làm năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Hủy một phần bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H và đình chỉ một phần giải quyết vụ án đối với phần quyết định: Buộc Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải trả lại sổ Bảo hiểm xã hội và chốt thanh toán Bảo hiểm xã hội tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 25/5/2018, trả lại toàn bộ hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S đang lưu giữ của bà Phan Hồng H.

2. Chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

3. Sửa và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Bà Phan Hồng H được chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 25/5/2018.

- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S phải trả cho bà Phan Hồng H số tiền trợ cấp thất nghiệp là: $7.635.100 \text{ đồng/tháng} \times 9 \text{ tháng} \times 60\% = 41.229.510 \text{ đồng}$.

- Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 50% án phí lao động sơ thẩm là 618.000 đồng.

- Về án phí sơ thẩm: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.236.000 đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 50% án phí lao động sơ thẩm là 618.000 đồng. Bà Hạnh được miễn án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S đã nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016 0005911 ngày 15/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H. Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm S còn phải nộp 318.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND quận N;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hải Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà Nguyễn Văn Dương

Lương Thị Hải Hà